TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM NHÙN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGD- ST
Ngày: 12/11/2019
V/v "Xin Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông: ***Lý Đức Hiệp***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: ***Đinh Thị Thi***

2. Bà: ***Lò Thị Chương***

Th- ký phiên toà: Ông : ***Đồng Văn Dũng*** **-** Thư ký Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông: ***Tăng Bá Thắng*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2019, Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn vụ án HNGĐ thụ lý số: 17/2019/TLST- HNGĐ ngày 24/9/2019 về việc Xin ly hôn theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 07/2019/ QĐXX- ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đ- ơng sự:

1/ Nguyên đơn: Bà: Hoàng Thị Th - Sinh năm 1976.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Trú tại: Bản Pa Kéo, TT Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

(Có mặt tại phiên tòa)

2/ Bị đơn: Ông: Nguyễn Đức Đ - sinh năm 1969.

Nghề nghiệp: Cán bộ

Trú tại: : Bản Pa Kéo, TT Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

(Vắng mặt tại phiên tòa có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện Xin ly hôn ngày 02 tháng 9 năm 2019 và những lời khai tiếp sau nguyên đơn chị Hoàng Thị Th trình bày: Chị Th và anh Nguyễn Đức Đ kết hôn với nhau ngày 29/3/1992. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND thị trấn Mường Ẳng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (cũ) nay là UBND thị trấn Mường Ẳng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên cấp. Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian sau đó do vợ chồng nảy sinh bất hoà, không có chung quan điểm sống thường xuyên cãi vã xung đột nên hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị Thơm nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị xin ly hôn.

Việc nuôi con: Chị Th và anh Đ có hai con chung cháu lớn tên Nguyễn Đức T sinh năm 1992 đã trưởng thành, cháu thứ hai tên Nguyễn Thùy D sinh ngày 13/12/2004. Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thùy D cho chị Th chăm sóc muôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản chung: Hai bên chị Th và anh Đ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức Đ trình bày: Quá trình kết hôn là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn cãi vã xung đột nên hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Hiện tại anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí được ly hôn với chị Th.

Việc nuôi con: Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thùy D cho chị Th chăm sóc muôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con và chia tài sản chung. Tại phiên Hòa giải ngày 25/10/2019 chị Th và anh Đ đều nhất trí ly hôn. Về con chung hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thùy D cho chị Th chăm sóc muôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ

án của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án của kiểm sát viên: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, 9 Luật Hôn nhân gia đình 1986 Điều 8; Điều 11; Điều 12; Điều 53; 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Và thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bộ Tư pháp, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của luật HNGĐ năm 2014. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Đức Đ được ly hôn và hủy giấy đăng ký kết hôn số 52 của UBND thị trấn Mường Ẳng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (cũ) nay là UBND thị trấn Mường Ẳng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên và công nhận việc tự thỏa thuận chia tài sản và việc nuôi con chung của hai bên và việc đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Hoàng Thị Th sinh ngày 11/10/1976 và anh Nguyễn Đức Đ sinh năm1969 có địa chỉ tại: Bản Pa Kéo, TT Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu có đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/1992 Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, tại UBND thị trấn Mường Ẳng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (cũ) nay là UBND thị trấn Mường Ẳng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên việc cho đăng ký kết hôn đã vi phạm theo điều 5, 9 luật HNGĐ năm 1986 đây là vụ án " Xin Ly hôn" theo khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn đã thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hên hôn nhân: Chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Đức Đ có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mường Ẳng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (cũ) nay là UBND thị trấn Mường Ẳng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên vào ngày 29/3/1992 tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Th mới trên 16 tuổi đã vi phạm quy định tại điều 5, 9 luật HNGĐ

năm 1986 nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý. Chị Hoàng Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án đã thụ lý và giải quyết ly hôn và hủy giấy đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11; Điều 12; Điều 53; Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Và thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bộ Tư pháp, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của luật HNGĐ năm 2014.

[2.2] Việc nuôi con: Trong quá trình chung sống chị Th và anh Đ có hai con chung cháu lớn tên Nguyễn Đức T sinh năm 1992 đã trưởng thành, cháu thứ hai tên Nguyễn Thùy D sinh ngày 13/12/2004. Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thùy D cho chị Th chăm sóc muôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Chia tài sản chung: Tại phiên hòa giải ngày 25/10/2019 chị Th và anh Đ thống nhất tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc tự thỏa thuận chia tài sản chung của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho anh, chị và công nhận việc tự thỏa thuận việc nuôi con chung. Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 5, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 11; Điều 12; Điều 53; Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 28 ; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hên hôn nhân: Chị Hoàng Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ

2. Hủy giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/3/1992 của UBND thị trấn Mường Ẳng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (cũ) nay là UBND thị trấn Mường Ẳng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

3. Việc nuôi con: Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thùy D cho chị Th chăm sóc muôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền thăm con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật

4. Chia tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn đ-ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0002994 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

6. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Lai Châu;
- VKSND Tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- THADS huyện Nậm Nhùn;
- UBND thị trấn Mưởng Ẳng, huyện Mường Ẳng, tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đức Hiệp